

Số: 35/HD-VKSTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Về việc thống nhất áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại của Nhà nước đối với một số vấn đề cụ thể

VKSND TỈNH Q.N
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 14911
Ngày 11 tháng 12 năm 20

Sau hơn hai năm thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sau đây viết tắt là Luật TNBTCNN năm 2017) và các văn bản triển khai thi hành Luật, trong đó có Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2018/NĐ-CP), Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự (Vụ 7) nhận thấy cần hướng dẫn các đơn vị áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại của Nhà nước trong tố tụng hình sự đối với một số vấn đề cụ thể sau đây.

1. Việc Tòa án tuyên án phí đối với Viện kiểm sát (với tư cách là bị đơn) trong vụ án giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại trong tố tụng hình sự theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2009

Sau khi Luật TNBTCNN năm 2017 có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2018), một số Tòa án vẫn thụ lý, giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường thiệt hại trong tố tụng hình sự mà đương sự khởi kiện ra Tòa án (nguyên đơn là người bị thiệt hại, bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm bồi thường) theo Luật TNBTCNN năm 2009 do vụ việc đã được thụ lý trước thời điểm Luật TNBTCNN năm 2017 có hiệu lực. Trong số những vụ án nêu trên, có trường hợp Tòa án đã tuyên Viện kiểm sát (với tư cách là bị đơn) phải chịu án phí dân sự và Viện kiểm sát vẫn nộp án phí như Tòa án đã tuyên. Việc Tòa án tuyên án phí đối với Viện kiểm sát trong trường hợp này là không đúng, Viện kiểm sát với tư cách là cơ quan kiểm sát hoạt động Tư pháp cần thực hiện nhiệm vụ kiểm sát của mình.

Điều 64 của Luật TNBTCNN năm 2009 quy định người bị thiệt hại không phải nộp lệ phí, án phí và các loại phí khác, điều khoản cũng không quy định bị đơn (Viện kiểm sát nhân dân) phải chịu lệ phí, án phí.

Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có nêu: "... trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết

án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”. Như vậy, tinh thần của Nghị quyết đã nêu rõ: nếu những vụ án áp dụng Luật cũ để xét xử (Luật cũ có quy định phải chịu án phí) nhưng đến ngày xét xử mà Luật mới có hiệu lực thì hành (Luật mới không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí) thì áp dụng quy định của Luật mới để miễn, giảm án phí cho đương sự.

Khoản 1 Điều 76 Luật TNBTCNN năm 2017 quy định: “Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này”. Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về những trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí có ghi: “f) Các trường hợp khác không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí mà pháp luật có quy định”.

Khoản 4 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới”.

Từ những căn cứ trên, cần áp dụng Điều 76 Luật TNBTCNN năm 2017 để xác định: Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Đối với nội dung này, ngày 15/5/2020 tại Hội nghị liên ngành (cấp Vụ) về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2020 tại Cục Bồi thường nhà nước - Bộ Tư pháp, đại diện của Vụ Giám đốc kiểm tra I - Tòa án nhân dân tối cao cũng đồng tình với quan điểm của Vụ 7 Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc không thu án phí đối với bị đơn (Viện kiểm sát) trong các vụ án dân sự về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Về xác định mức hoàn trả trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ cùng gây thiệt hại quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị định 68/2018/NĐ-CP

Luật TNBTCNN năm 2017 lần đầu tiên quy định việc người thi hành công vụ có lỗi vô ý gây thiệt hại phải hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền nhất định mà nhà nước đã phải bồi thường cho người bị thiệt hại. Thực tiễn giải quyết một số vụ việc cho thấy, áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị định 68/2018/NĐ-CP hướng dẫn về cách tính mức hoàn trả cụ thể

đối với từng người trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ cùng gây thiệt hại còn những vướng mắc.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Luật TNBTCNN năm 2017, trường hợp có nhiều người thi hành công vụ có lỗi vô ý gây thiệt hại thì mức cao nhất mỗi người thi hành công vụ có lỗi vô ý gây ra thiệt hại là không quá 05 tháng lương của người đó tại thời điểm có quyết định hoàn trả. Tuy nhiên, theo khoản 4 Điều 26 Nghị định 68/2018/NĐ-CP thì mức hoàn trả của người thi hành công vụ trong trường hợp có nhiều người vô ý gây thiệt hại có thể cao hơn nhiều, thậm trí tổng số tiền những người thi hành công vụ phải hoàn trả cho Nhà nước bằng chính số tiền Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại.

Về vấn đề này, các cơ quan liên ngành Tư pháp Trung ương đã tiến hành họp và thống nhất hướng dẫn cơ quan giải quyết bồi thường tính mức hoàn trả đối với người thi hành công vụ căn cứ vào tính chất và mức độ lỗi của họ để đưa ra định lượng cụ thể là số tháng lương mà họ sẽ phải hoàn trả cho Nhà nước nhưng không vượt quá mức tối đa phải hoàn trả theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Luật TNBTCNN năm 2017 và điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định số 68/NĐ-CP.

Trên đây là một số vấn đề cần lưu ý trong áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại của Nhà nước, đề nghị các đơn vị nghiên cứu, thực hiện./. *AT*

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng - PVT VKSTC (để b/c);
- Vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 14, Cục 1 VKSTC;
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- 63 VKSND cấp tỉnh;
- Phòng TMTH VKSTC;
- Lưu VT (1b), V7 (2b).

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỰC HÀNH QUYỀN
CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ HÌNH SỰ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Phan Hải Đăng
Phan Hải Đăng